



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

31.03.2026

MARKET INSIGHTS REPORT

MỘT VÀI TÍN HIỆU TẠO ĐÁY TRUNG HẠN TRONG QUÁ KHỨ HAY XUẤT HIỆN
ĐÃ XUẤT HIỆN

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

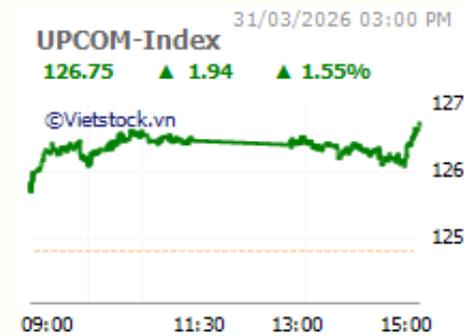
08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	379
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	179
Số cổ phiếu giảm giá	144
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	56

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	219
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	77
Số cổ phiếu giảm giá	72
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	347
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	161
Số cổ phiếu giảm giá	116
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	77,725.76	103,112.83	(25,387.07)
% KL toàn thị trường	8.36%	11.09%	
Giá trị	2,619,384	3,468,702	(849,319)
% GT toàn thị trường	10.75%	14.23%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	20,003.20	3,524.54	16,478.67
% KL toàn thị trường	8.36%	11.09%	
Giá trị	408,996	89,059	319,937
% GT toàn thị trường	19.23%	4.19%	

UPCOM

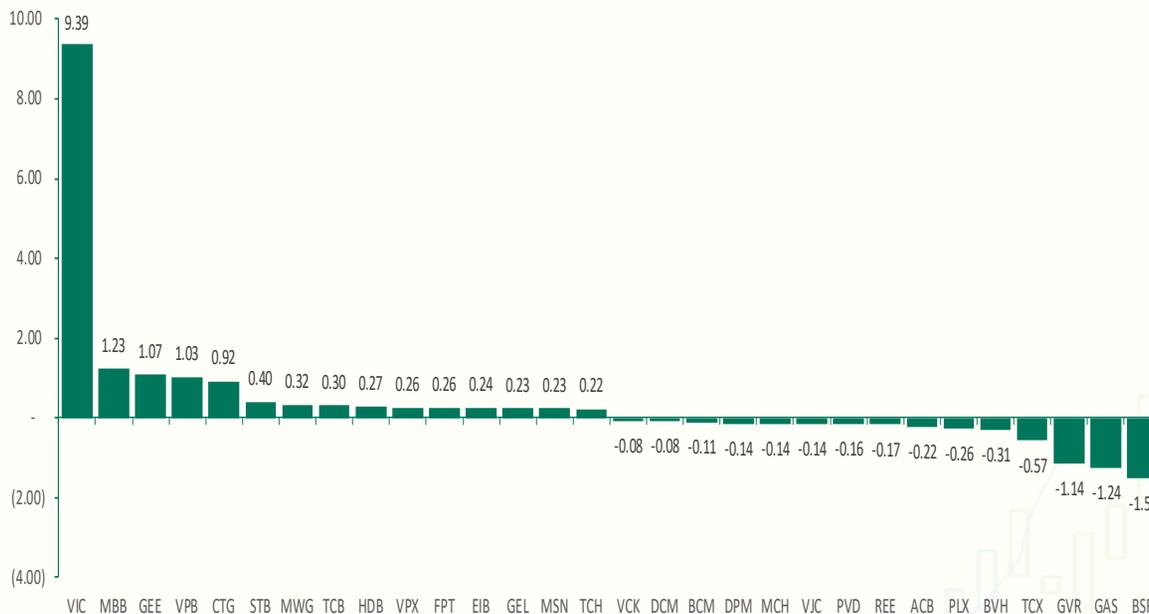
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	596.32	683.25	(86.93)
% KL toàn thị trường	1.88%	2.16%	
Giá trị	18,053	26,493	(8,440)
% GT toàn thị trường	2.94%	4.31%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	3,316,700	135,000	5,500 (4.25%)	75.63	6.89	1,785	1,044,021
2	VCB	5,481,100	58,100	100 (0.17%)	12.79	2.13	4,542	485,465
3	VHM	1,487,400	103,000	0 (0%)	10.28	1.71	10,019	423,063
4	BID	7,278,600	39,400	-50 (-0.13%)	9.21	1.59	4,278	276,642
5	CTG	7,394,400	34,600	550 (1.62%)	5.37	1.03	6,441	268,736
6	TCB	8,861,500	30,700	200 (0.66%)	8.59	1.21	3,576	217,548
7	MBB	20,965,700	26,450	700 (2.72%)	6.65	1.50	3,980	213,055
8	VPB	19,377,200	26,700	600 (2.3%)	8.83	1.18	3,024	211,836
9	HPG	23,553,000	26,900	0 (0%)	12.21	1.57	2,203	206,470
10	GAS	2,432,200	78,300	-2,500 (-3.09%)	16.20	2.79	4,833	188,934

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.69%	-1.36%	1,562
▼ Tài chính	+0.64%	-1.53%	109
▶ Tổ chức tín dụng	+0.66%	-1.03%	29
▶ Dịch vụ tài chính	+0.63%	-2.90%	67
▶ Bảo hiểm	-1.22%	+19.05%	13
▶ Bất động sản	+2.28%	-15.29%	130
▼ Công nghiệp	+1.26%	-5.00%	364
▶ Vận tải	+0.73%	-5.22%	117
▶ Hàng hóa công nghiệp	+2.38%	-3.60%	215
▶ Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	-0.48%	-14.38%	52
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+0.13%	-5.55%	164
▶ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+0.13%	-5.58%	152
▶ Thương mại hàng thiết yếu	-0.21%	-5.04%	8
▶ Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	+1.55%	-1.15%	4
▶ Nguyên vật liệu	-0.41%	+13.83%	277
▶ Tiện ích	-1.39%	+5.46%	149
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+0.45%	-3.92%	180
▶ Thương mại hàng không thiết yếu	+0.89%	+1.67%	62
▶ Dịch vụ tiêu dùng	-0.14%	-11.10%	36
▶ Thời trang và hàng tiêu bên	+0.30%	+4.26%	69
▶ Xe và linh kiện	-0.34%	+0.94%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	-0.73%	+35.73%	41
▶ Dịch vụ viễn thông	-0.72%	+36.06%	18
▶ Truyền thông và giải trí	-0.91%	-10.26%	23
▶ Năng lượng	-3.85%	+39.31%	54
▼ Công nghệ thông tin	+0.78%	-21.06%	16
▶ Phần mềm và dịch vụ	+0.82%	-21.48%	9
▶ Phần cứng và thiết bị	-0.42%	-26.75%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.02%	+0.88%	58
▶ Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.02%	+2.91%	47
▶ Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-0.06%	-17.75%	11

Một vài tín hiệu tạo đáy trung hạn hay xuất hiện trong quá khứ đã xuất hiện

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 11.95 điểm (+ 0.72%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Hàng hóa công nghiệp, bất động sản, tổ chức tín dụng, thương mại hàng không thiết yếu, phần mềm và dịch vụ, vận tải, dịch vụ tài chính, thời trang hàng lâu bền, thực phẩm đồ uống và thuốc lá... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như GEE, GEX, BMP, DPG, CTD, FCN, LCG, VIC, VRE, NVL, IDC, TCH, SIP, NLG, VCB, TCB, CTG, VPB, STB, EIB, MSB, MWG, HUT, PET, FPT, ACV, CII, GMD, HAH, VSC, HHV, FTS, BSI, VIX, HCM, SSI, VND, VPX, MSH, VGT, STK, MSN, DBC, MML, HPA... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) GEX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương với mô hình Bullish Falling Wedge cảnh báo sự đảo chiều ở đáy – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá vượt MA(50) – Xu hướng tích cực;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu cản trở đà tăng của giá;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) DPG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình hai đáy với phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều – Tín hiệu tích cực;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(iii) TCH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới, bám biên dải băng trên và dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ TCH đã kết thúc 5 sóng giảm và giá hình thành sóng tăng giá trung hạn mới với mục tiêu giá 24;
- ✓ TCH có khoản mục người mua trả tiền trước hơn 5,000 tỷ cho thấy các dự án BDS đã bán hàng khá tốt;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(iv) VPB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương với mô hình Bullish Falling Wedge – Tín hiệu tích cực;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá có Break out mô hình nhưng chưa dứt quá xa cùng với dải băng trên chưa mở ra hỗ trợ giá lên – Cổ phiếu có thể tích lũy một vài cây trước khi bứt phá;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(v) BSI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ BSI đã kết thúc 5 sóng giảm và đang hình thành sóng tăng giá mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ RSI(14) và giá đều thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Chúng tôi lưu ý BSI thường tạo đáy trước và tăng giá mạnh trong nhóm chứng khoán mỗi khi thị trường tạo đáy trung hạn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(2) Năng lượng, tiện ích, dịch vụ viễn thông... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như BSR, PLX, PVD, PVS, OIL, PVT, GAS, POW, REE, NT2, VGI ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PLX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ PLX vẫn đang trong sóng 4 đối kháng với kháng cự quanh 45-49 và vẫn tiềm ẩn nguy cơ hình thành sóng 5 giảm giá – NĐT vẫn nên thận trọng trước khi dò đáy cổ phiếu;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

(ii) POW giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ POW vẫn đang trong sóng 4 đối kháng với kháng cự quanh 14 và vẫn tiềm ẩn nguy cơ hình thành sóng 5 giảm giá – NĐT vẫn nên thận trọng trước khi dò đáy cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Chờ phiên bùng nổ theo đà FTD để xác nhận đáy trung hạn ?

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng vẫn nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 541 đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: SHS, IDC, VIC, FPT, TCH, MWG, CTG, SHB, PC1, DXG... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FUEVFNVD, BSR, HDB, VCB, ACB, TCX, BID, MSB, PVD, GAS...Hôm nay tổ chức trong nước, tự doanh, cá nhân trong nước, cá nhân nước ngoài mua ròng còn tổ chức nước ngoài bán ròng.

(ii) VN-Index tăng điểm và vẫn đang vận động theo dạng đồ thị của mô hình hai đáy. Hiện đáy 2 đang thiết lập vào ngày 23/03/2026 như quãng thời gian mà chúng tôi tìm kiếm thời gian có thể tạo đáy của thị trường. Thị trường cần vượt kháng cự 1,750 điểm để xác nhận xu hướng tăng giá quay trở lại. Đôi khi chúng ta sẽ chờ đợi 1 phiên bùng nổ theo đà hoặc không có nhưng việc vượt kháng cự cần phải được xác nhận. Về cơ bản xu hướng vẫn đang tích cực và NĐT tiếp tục nắm giữ cổ phiếu đã dò đáy.

(iii) Điểm sáng hiện tại là nhóm ngân hàng, chứng khoán đã tăng giá trở lại. Trong bất kỳ kỳ nhịp hồi tạo đáy trung hạn nào, việc đi lên của nhóm ngân hàng là cần thiết. VPB đang là cổ phiếu ngân hàng có sức mạnh tốt nhất bên cạnh STB. Nếu VPB có Break out mô hình Bullish Falling Wedge trong 1-2 phiên tới thị trường có nhiều cơ sở tạo đáy trung hạn vào lúc này.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 06 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 21 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã VRE, VIB, SHB, VJC, CTG...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 48% và 52.94% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cao thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Tuy nhiên, chúng tôi dự báo chỉ số có thể tiếp tục tăng điểm. Hỗ trợ và kháng cự lần lượt là 1,633- 1,750 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VPB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	544.91	545.65	544.17	NO	548.03	552.64	555.76	560.37	540.3	537.18	532.57	529.45
HNXINDEX	251.23	251.35	251.1	YES	252.51	254.04	255.32	256.85	249.7	248.42	246.89	245.61
UPINDEX	126.29	126.22	126.35	YES	126.88	127.35	127.94	128.41	125.82	125.23	124.76	124.17
VN30	1827.48	1826.43	1828.54	YES	1836.9	1844.2	1853.62	1860.92	1820.18	1810.76	1803.46	1794.04
VNINDEX	1671.81	1670.47	1673.15	YES	1680.51	1686.53	1695.23	1701.25	1665.79	1657.09	1651.07	1642.37
VNXALL	2749.39	2744.15	2754.62	NO	2775.88	2791.92	2818.41	2834.45	2733.35	2706.86	2690.82	2664.33
VN30F1M	1827.83	1829.8	1825.87	NO	1837.07	1850.23	1859.47	1872.63	1814.67	1805.43	1792.27	1783.03
VN30F1Q	1827.3	1830.7	1823.9	NO	1834.5	1848.5	1855.7	1869.7	1813.3	1806.1	1792.1	1784.9
VN30F2M	1827.7	1828.6	1826.8	YES	1838.3	1850.7	1861.3	1873.7	1815.3	1804.7	1792.3	1781.7
VN30F2Q	1825.8	1828.7	1822.9	NO	1831.6	1843.2	1849	1860.6	1814.2	1808.4	1796.8	1791
BCM	53.53	53.75	53.32	NO	53.97	54.83	55.27	56.13	52.67	52.23	51.37	50.93
BID	39.43	39.45	39.42	YES	39.77	40.13	40.47	40.83	39.07	38.73	38.37	38.03
ACB	23.62	23.65	23.58	NO	23.78	24.02	24.18	24.42	23.38	23.22	22.98	22.82
BVH	83.07	83.35	82.78	NO	84.43	86.37	87.73	89.67	81.13	79.77	77.83	76.47
CTG	34.45	34.38	34.53	NO	34.8	35	35.35	35.55	34.25	33.9	33.7	33.35
GVR	32.3	32.6	32	NO	32.9	34.1	34.7	35.9	31.1	30.5	29.3	28.7
GAS	79.33	79.85	78.82	NO	80.57	82.83	84.07	86.33	77.07	75.83	73.57	72.33
FPT	74.87	74.95	74.78	NO	75.33	75.97	76.43	77.07	74.23	73.77	73.13	72.67
HDB	25.32	25.25	25.38	NO	25.63	25.82	26.13	26.32	25.13	24.82	24.63	24.32
HPG	26.98	27.02	26.94	NO	27.17	27.43	27.62	27.88	26.72	26.53	26.27	26.08
LPB	41.92	41.92	41.91	YES	42.33	42.77	43.18	43.62	41.48	41.07	40.63	40.22
MBB	26.37	26.33	26.41	NO	26.78	27.12	27.53	27.87	26.03	25.62	25.28	24.87
MSN	75.63	75.7	75.57	YES	76.27	77.03	77.67	78.43	74.87	74.23	73.47	72.83
MWG	81.47	81.3	81.63	NO	82.43	83.07	84.03	84.67	80.83	79.87	79.23	78.27
PLX	40.88	41.13	40.64	NO	41.42	42.43	42.97	43.98	39.87	39.33	38.32	37.78
SAB	44.37	44.4	44.33	YES	44.58	44.87	45.08	45.37	44.08	43.87	43.58	43.37
SSB	16.88	16.85	16.92	NO	17.02	17.08	17.22	17.28	16.82	16.68	16.62	16.48
SHB	15.45	15.4	15.5	NO	15.65	15.75	15.95	16.05	15.35	15.15	15.05	14.85
SSI	26.93	26.92	26.94	YES	27.32	27.68	28.07	28.43	26.57	26.18	25.82	25.43
TCB	30.62	30.58	30.66	NO	30.83	30.97	31.18	31.32	30.48	30.27	30.13	29.92
STB	62.03	61.95	62.12	NO	62.87	63.53	64.37	65.03	61.37	60.53	59.87	59.03
TPB	16.27	16.25	16.28	NO	16.53	16.77	17.03	17.27	16.03	15.77	15.53	15.27
VHM	102.93	102.9	102.97	YES	103.87	104.73	105.67	106.53	102.07	101.13	100.27	99.33
VCB	58.33	58.45	58.22	NO	58.67	59.23	59.57	60.13	57.77	57.43	56.87	56.53
VIB	17.02	17.05	16.98	NO	17.13	17.32	17.43	17.62	16.83	16.72	16.53	16.42
VJC	156.67	157	156.33	NO	157.33	158.67	159.33	160.67	155.33	154.67	153.33	152.67
VIC	133.33	132.5	134.17	NO	136.67	138.33	141.67	143.33	131.67	128.33	126.67	123.33
VRE	25.68	25.65	25.72	NO	25.92	26.08	26.32	26.48	25.52	25.28	25.12	24.88
VPB	26.62	26.58	26.66	NO	26.98	27.27	27.63	27.92	26.33	25.97	25.68	25.32
VNM	60.83	61	60.67	NO	61.17	61.83	62.17	62.83	60.17	59.83	59.17	58.83

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
EIB	16,665,300	7,598,320	219	2.61
FUEVFNVD	14,635,000	3,404,260	430	0.74
MSB	11,297,900	4,462,230	253	1.76
MBS	8,533,400	4,225,630	201.94	2.12
MST	7,764,700	3,550,560	219	7.14
DXS	5,639,000	2,203,760	256	2.77
VFS	4,541,800	2,143,510	211.89	-1.36
BVB	3,168,800	823,180	385	5.98
HHP	2,525,500	1,112,250	227	-3.73
ABB	1,953,200	907,280	215.28	1.37
HID	1,578,100	721,230	219	6.92
DPG	1,094,100	455,030	240	4.58
VRC	1,004,100	196,080	512	0.72
SHI	933,800	358,050	261	-0.71
BSI	912,500	248,570	367.1	6.91
CRE	892,600	219,700	406	4.18
SMC	846,600	116,130	729	6.84
SAM	605,100	76,520	791	6.9
HTN	537,800	153,760	350	2.07
KSQ	526,100	62,770	838.14	-4.55
TAL	494,500	198,190	250	2.91
NSH	433,400	161,720	268	4.17
NHA	373,000	131,210	284	-0.38
SCS	370,700	168,710	220	1.12
HSV	261,100	39,550	660.18	0
PXL	241,100	80,400	300	-2.16
TDM	238,900	5,150	4,639	0.92
TA9	221,600	10,830	2,046	-1.65
TDT	188,100	30,780	611	1.43
NED	187,500	50,990	368	0
IVS	176,100	70,640	249	2.9
HDA	161,200	25,340	636	6.25
CTX	150,800	43,210	349	-2.08
VIT	150,300	1,250	12,024	-0.39
VCR	150,300	2,340	6,423	22
MVC	143,900	29,620	486	-1.2
VBB	140,800	49,100	287	0.95
SCI	119,900	50,110	239	0.99
TIN	111,300	20,410	545	14.11
TDG	107,100	46,940	228	2.69

- Lưu ý: EIB, MST...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
31-Mar	VGC	Mua	≤ 48	10% -20%	Mô hình đáy vòng xuất hiện dòng tiền đầy giá
31-Mar	DPG	Mua	≤ 43	10% -20%	Mô hình đáy vòng xuất hiện dòng tiền đầy giá
31-Mar	BSI	Mua	≤ 37.5	10% -20%	Kết thúc 5 sóng giảm và hình thành sóng tăng giá mới
31-Mar	TCH	Mua	≤ 18	10% -20%	Nên mua khi cổ phiếu điều chỉnh giảm trở lại

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 04 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 30/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.100 VND/USD, giữ nguyên so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.895 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.305 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.345 VND/USD, tăng nhẹ 03 đồng so với phiên 27/03. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 32 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 27.123 VND/USD và 27.263 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 30/03, lãi suất bình quân LNH VND tăng mạnh 0,30 – 7,50 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ giữ nguyên ở kỳ hạn 2W so với phiên cuối tuần trước, giao dịch tại: ON 12,00%; 1W 11,60%; 2W 7,45% và 1M 7,75%. Lãi suất bình quân LNH USD đi ngang ở kỳ hạn ON trong khi tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W và giảm 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn còn lại; giao dịch tại: ON 3,64%; 1W 3,69%; 2W 3,71%, 1M 3,75%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm ở kỳ hạn 10Y, chốt phiên với mức: 3Y 3,39%; 5Y 4,06%; 7Y 4,12%; 10Y 4,21%; 15Y 4,31%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 35.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 40.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày và 15.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 56 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Tất cả 90.000 tỷ đồng đều trúng thầu. Có 58.966,87 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua, NHNN bơm ròng 31.033,13 tỷ đồng ra thị trường. Có 275.704,02 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

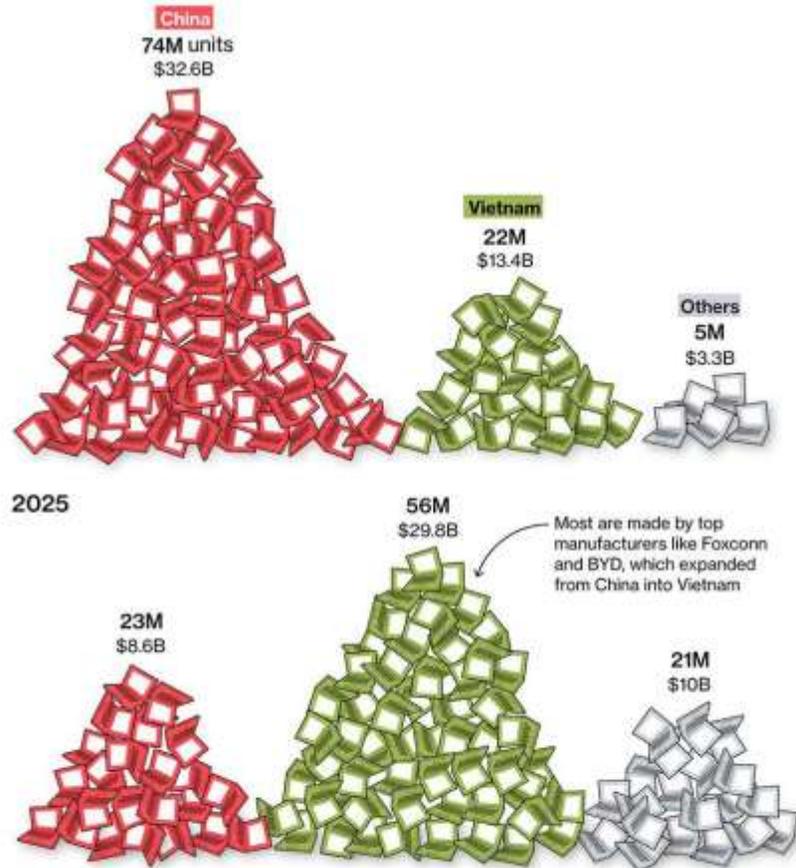
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Bloomberg có bài phân tích về thâm hụt thương mại của Mỹ - Trung Quốc đã thay đổi như thế nào ?

China's pivot to Vietnam blows a hole in Trump's Made-in-USA plan

US imports in 2024 📁 = 1 million laptops and tablets

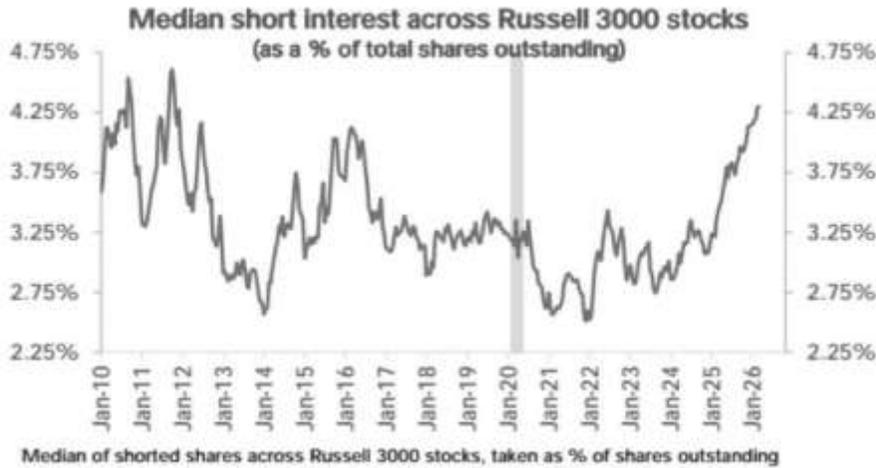


Quy trình sản xuất khí LNG



Nhịp hồi bắt đầu từ tâm lý bi quan ?

Tỷ lệ bán khống cổ phiếu trong Russell 3000 lên trên 4% cổ phiếu lưu hành – Thị trường sẽ có đáy ?



Số cổ phiếu nằm dưới MA(200) về mức thấp – Thị trường sẽ tạo đáy ?



Nasdaq liên tục điều chỉnh giảm phá mốc hỗ trợ - Liệu có nhịp hồi ?



S&P 500 có 8 phiên dưới MA(200) – Sẽ có nhịp hồi về MA(200) ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamckskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

